TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 14/12/2021
(*V/v Tranh chấp về thừa kế*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Nhân và ông Đỗ Cao Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều– Kiểm sát viên

Ngày 14/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 29/4/2021, về "tranh chấp về di sản thừa kế"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST - DS ngày 28/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2021/QĐST - DS ngày 26/11/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện l, tỉnh Q, có mặt,

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1927; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Q, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q, có mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Q, có mặt.

4/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q, có mặt.

5/ Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T trình bày: Bố mẹ bà là cụ ông Nguyễn Văn V và cụ bà Nguyễn Thị S là vợ chồng (cụ Nguyễn Thị S chết ngày 01/02/ 2010) để lại là căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 943,7m^2 đất thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q. Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 571228 ngày 11/7/2021 cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị S. Trước khi chết, bà Sóa không để lại di chúc. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án phân chia tài sản là di sản của bà S để lại là diện tích đất 943,7m^2. Bà yêu cầu chia cho cụ ông Nguyễn Văn V được nhận ½ diện tích đất 471,85m^2, còn lại ½ diện tích đất 471,85m^2 chia đều cho 07 người trong đó có cụ Nguyễn Văn V và 06 người con trong đó có Bà. Hiện nay cụ ông Nguyễn Văn V và con trai Nguyễn Hữu N sinh sống tại ngôi nhà do anh Nguyễn Hữu N xây dựng. Bà đã lập gia đình và có chỗ ở ổn định. Nếu sau này Tòa án phân chia thừa kế thì Bà muốn giao lại kỉ phần của mình được hưởng cho em trai Nguyễn Hữu N. Riêng ngôi nhà cấp 4 bố mẹ tôi làm năm 1980 đến năm 2008 đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên bố tôi và cả 6 anh em thống nhất cho em trai tôi Nguyễn Hữu N tháo dỡ làm lại nhà mới, số tiền làm nhà em trai tôi Nguyễn Hữu N bỏ ra toàn bộ để làm nhà nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*: Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là do vợ chồng cụ ông Nguyễn Văn V và cụ bà Nguyễn Thị S tạo lập. Ông V và bà S sinh được 06 người con, trước khi chết bà Sóa không để lại di chúc, không tặng cho riêng một người con nào. Hiện nay Ông đang sống cùng với con trai Nguyễn Hữu N ổn định tại thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q. Ông muốn giữ lại tài sản là diện tích 943,7m^2 đất để làm nơi thờ cúng ông bà; Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, nên đồng ý chia thừa kế theo pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các con. Nếu Tòa án phân chia thừa kế thì kỷ phần Ông được nhận là giá trị và giao lại kỷ phần của mình được hưởng cho con trai Nguyễn Hữu N.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N cũng là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D trình bày:* Đồng ý với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về thời điểm bà S chết, về quan hệ huyết thống và di sản bà Sóa để lại như trên là đúng. Nay để báo hiếu cho ông Nguyễn Văn V, 04 người con còn lại nếu được hưởng kỷ phần thừa kế từ bà Nguyễn Thị Sóa thì bốn người con tặng cho anh Nguyễn Hữu N mà không kèm theo điều kiện gì.

Riêng ông Nguyễn Phú Quốc thì cho rằng, cụ ông Nguyễn Văn V và cụ bà Nguyễn Thị S là vợ chồng (cụ Nguyễn Thị S chết năm 2010) có tạo lập được một căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 943,7m^2 đất thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q. Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 571228 ngày 11/7/2021 cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị S. Trước khi chết, bà Sóa không để lại di chúc. Nay bà Nguyễn Thị

T yêu cầu Tòa án phân chia tài sản là di sản của bà S để lại là căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 943,7m^2. Ông yêu cầu chia cho cụ ông Nguyễn Văn V được nhận ½ căn nhà cấp 4 cùng ½ diện tích đất 471,85m^2, còn lại ½ căn nhà cấp 4 và diện tích đất 471,85m^2 chia đều cho 07 người trong đó có cụ Nguyễn Văn V và 06 người con trong đó có Ông. Nếu tòa có phân chia thừa kế thì Ông muốn được nhận kỷ phần để làm nhà thờ hoặc giá trị kỷ phần của mình được hưởng.

Tại phiên tòa nguyên đơn không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được nội dung vụ án.

Theo Biên bản định giá tài sản lập ngày 08 tháng 10 năm 2021 Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:

- Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 35, diện tích 943,7 m^2 (trong đó đất ở 200 m^2; đất vườn 743,7 m^2) tại thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q; được UBND huyện Q cấp ngày 11/4/2011 cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị S.

- Đất ở 200m^2 vị trí 1 khu vực 1 nông thôn giá 228.000đ/m^2 thành tiền 45.600.000 đồng

- Đất trồng cây hàng năm khác 743,7 m^2 vị trí 1 giá 33.000đ/m^2 thành tiền 24.542.100 đồng.

- Nhà ở: Nhà cấp 4, 01 tầng (3 gian phòng lồi) mái lợp ngói diện tích 109,86 m^2, giá 3.300.000đ/m^2 thành tiền 362.538.000 đồng.

- Nhà bếp, nhà tạm xung quanh xây đơn giản, mái lợp ngói, nền láng xi măng; diện tích 24,44 m^2, giá 1.230.000đ/m^2 thành tiền 30.061.200 đồng.

- Mái che mái lợp Brô xi măng, nền láng xi măng; diện tích 33,12 m^2, giá 361.000đ/m^2 thành tiền 11.956.320 đồng.

- Nhà vệ sinh tường xây, nền láng xi măng, mái lợp ngói diện tích 12,38 m^2, giá 970.000đ/m^2 thành tiền 12.008.600 đồng.

- Sân phơi, nền đổ bê tông, láng xi măng diện tích 165 m^2, giá 170.000đ/m^2 thành tiền 28.050.000 đồng.

- Tường rào, xây gạch kết cấu hoàn thiện đơn giản, chiều dài 68,3m, giá 936.000đ/m^2 thành tiền 37.468.300 đồng.

1/ Tổng giá trị đất: 70.142.100 đồng

2/ Tổng giá trị tài sản trên đất (nhà ở, công trình phụ, nhà bếp, tường rào, mái che và nhà vệ sinh): 482.082.420 đồng.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị T và những người liên quan ông Nguyễn Hữu N cũng là người đại diện hợp của ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D đều trình bày sau khi cụ bà Nguyễn Thị S chết, ông Nguyễn Văn V ở cùng anh Nguyễn Hữu N một thời gian đến năm 2008, được sự đồng ý của ông V, bà S anh đã làm nhà trên đất của bố mẹ và sinh sống cho đến nay, nên không chấp nhận yêu cầu của ông Q, đây là tài sản của vợ chồng anh N tạo lập, nên không phải là tài chung của bà S ông V để lại vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác phía ông Nguyễn Phú Q qua các lần hòa giải cũng như bản tự khai ông Q không yêu cầu chia tài sản thừa kế là nhà cấp 4 của bà S để lại, ông cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ,

chứng minh nhà cấp 4 gắn liền công trình phụ, nhà bếp, tường rào, mái che và nhà vệ sinh là tài sản phải chia thừa kế cho Hội đồng xét xử để xem xét.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào: Khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố dụng dân sự năm 2015; Điều 459, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 26; Án lệ số 05/2016/AL; Khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận sự tự nguyện tặng cho kỉ phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn V và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hữu N.

Chia cho anh Nguyễn Hữu N được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 471,85m^2 (trong đó 100m^2 đất ở, 371,85m^2 đất trồng cây hàng năm khác) gắn liền với căn nhà cấp 4 thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 35, tại thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q.

Anh Nguyễn Hữu N có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Phú Q số tiền: 5.010.150 đồng. (Năm triệu, không trăm mười nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng).

- Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Đề nghị HĐXX buộc các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "*...Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*". Bà Nguyễn Thị Sóa chết ngày 01/02/2010 tính đến ngày 16/4/2021 bà Nguyễn Thị Thịnh nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của bà Nguyễn Thị Sóa để lại vẫn còn trong thời hạn quy định nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Tài sản tranh chấp và các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Quảng Ninh. Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35 và

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản theo pháp luật*", "*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản hợp lệ cho ông Nguyễn Phú Q tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phú Quốc là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Bà Nguyễn Thị S mất vào ngày 01/02/2010, Bà và ông Nguyễn Văn V không có con riêng, con nuôi nào khác. Bà S không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào. Cha mẹ ruột bà S đã chết. Ngoài tài sản trên thì không còn tài sản khác để chia thừa kế theo pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị S còn sống tới thời điểm mở thừa kế là: Ông Nguyễn Văn V là chồng bà S và các con là bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hữu N.

[3] Về nguồn gốc tài sản: Theo các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp thể hiện là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 35 có diện tích 943,7m^2 do vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị S cùng tạo lập. Xét thấy diện tích 943,7m^2 (trong đó 200m^2 đất ở, 743,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác) đất gắn liền với căn nhà cấp 4 là tài sản chung của vợ chồng bà S và ông V đóng góp trong thời kỳ sống chung với nhau; nhưng đến măm 2008 được sự đồng ý của bà S, ông V và 6 anh chị em đồng ý tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng để anh N bỏ tiền của mình ra làm lại nhà mới; nên Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản thừa kế là ngôi nhà cấp 4. Nên ½ số tài sản trên là kỷ phần thừa kế chưa được chia của bà Sóa. Còn lại ½ số tài sản trên là của ông V. Do bà S không để lại di chúc nên căn cứ Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 diện tích 471,85m^2 đất được chia theo pháp luật tương đương trị giá tài sản là 35.071.050 đồng

[4] Phân chia di sản thừa kế: 471,85m^2 đất được chia đều cho 07 kỷ phần gồm: Ông Vinh và 06 người con của bà Sóa 471,85m^2: 07 = 67,40 m^2. Hội đồng xét xử xét thấy ông V hiện nay tuổi cao sức yếu, Ông sinh sống từ đó đến nay cùng anh Nguyễn Hữu N là con trai, ngoài ra Ông cũng không còn chỗ ở nào khác. Nếu diện tích 471,85m^2 (thành tiền 35.071.050 đồng) chia bằng hiện vật cho 07 người thì mỗi người chỉ được 67,40 m^2 đất (thành tiền 5.010.150 đồng). Diện tích này cũng quá nhỏ so với điều kiện sinh sống ở thôn quê. Mặt khác 05 người con còn lại đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng từ bà Sóa cho anh Nguyễn Hữu Nghĩa, anh Nghĩa cũng đồng ý nhận nên ông V cũng đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng từ bà Sóa cho anh Nguyễn Hữu N; riêng ông Nguyễn Phú Q thì không đồng ý tặng cho và yêu cầu chia thừa kế. Nhận thấy đây là sự tự nguyện tặng cho tài sản

và không trái pháp luật của 06 người (ông V, bà T, ông H, bà T, bà D và anh N) nên công nhận. Vì vậy, phần diện tích đất của ông Quốc được hưởng thừa kế theo pháp luật là 67,40m^2 thành tiền là 5.010.150 đồng. Xét điều kiện của ông Q đang có chỗ ở ổn định và chỉ yêu cầu được nhận kỷ phần là giá trị kỷ phần của mình được hưởng, Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên nếu chia đất bằng hiện vật cho ông Q thì sẽ manh mún. Do vậy chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, buộc anh Nguyễn Hữu N có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị tương đương với kỷ phần ông Q được nhận là: 5.010.150 đồng.

[5] Như vậy HĐXX quyết định chia đất như sau:

Chia cho anh Nguyễn Hữu N được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 471,85m^2 (trong đó 100m^2 đất ở, 371,85m^2 đất trồng cây hàng năm khác) gắn liền với căn nhà cấp 4 thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q.

Anh Nguyễn Hữu N có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Phú Q số tiền: 5.010.150 đồng.

Anh Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số số 65, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q.

Từ những phân tích xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Bà Thịnh đã nộp đủ chi phí trên.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn V có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận là 30.060.900 đồng x 5% = 1.503.045 đồng; Ông Nguyễn Phú Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận là: 300.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố dụng dân sự năm 2015; Điều 459, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 26; Án lệ số 05/2016/AL; Khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn V và những người liên quan.

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỉ phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Thịnh, ông Nguyễn Văn V và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hữu N.

- Chia cho anh Nguyễn Hữu N được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 471,85m^2 (trong đó 100m^2 đất ở, 371,85m^2 đất trồng cây hàng năm khác) gắn liền với căn nhà cấp 4 thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 35, tại thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q.

Anh Nguyễn Hữu N có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Phú Q số tiền: 5.010.150 đồng. (Năm triệu, không trăm mười nghìn, một trăm năm mươi đồng).

Anh Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số số 65, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Q.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn V thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.503.045 đồng (Một triệu, năm trăm linh ba nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng). Ông Nguyễn Phú Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0007228 ngày 29/4/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/12/2021), ông Nguyễn Phú Q vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Châu